

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án: 73/2020/HNGĐ - ST
Ngày 14 - 12 -2020
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình – Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Kim Oanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tuấn**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 521/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hồ Văn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Võ Thị T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Anh T có mặt tại phiên tòa;

Chị Tuyết vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Hồ Văn T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 2009, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình

trạng căng thẳng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T yêu cầu ly hôn với chị T

Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Hồ Uyển Nhi, sinh ngày 16/5/2011, hiện đang sống với chị T. Anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Không có.

Về quan hệ nợ: Không có.

- Theo Tờ tự khai ngày 19/11/2020, chị Hồ Thị Tt trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T sống chung với nhau từ năm 2008, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, lý do không am hiểu quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây anh T thay đổi tính tình có người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân với nhau hơn hai tháng nay. Cuộc sống hôn nhân hiện tại chị vẫn còn thương anh T. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn, chị T không đồng ý.

Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Uyển Nhi, sinh ngày 16/5/2011 (cháu Nhi đang sống cùng chị T). Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Không có.

Về quan hệ nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 14/7/2020 của anh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị T là bị đơn có nơi cư trú Ấp 1, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Tuyết có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị Tuyết.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tịnh và chị T sống chung như vợ chồng từ năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, anh T yêu

cầu ly hôn với chị T vì anh cho rằng không còn tình cảm với chị T, mục đích hôn nhân với chị T không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài.

Mặc dù, tại tờ tự khai đề ngày 19/11/2020, chị T không đồng ý ly hôn vì còn thương con, thương chồng. Nhưng do anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Mặc khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1.....

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T.

[4.2] Về quan hệ nuôi con: Tại phiên tòa, anh T đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Theo Tờ tự khai ngày 19/11/2020, Uyển Nhi có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn. Nguyện vọng của Uyển Nhi muốn được sống cùng chị T.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét thấy, việc anh T đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của Uyển Nhi, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về quan hệ tài sản: Không có.

[4.4] Về quan hệ nợ: Không có.

[5] Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Văn T và chị Võ Thị T.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị Tuyết tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Uyển Nhi, sinh ngày 16/5/2011 (Uyển Nhi đang sống cùng chị T). Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0006531 ngày 30/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Kim Oanh